



Tái cơ cấu nền kinh tế: Những vấn đề đặt ra

Trước những khó khăn của nền kinh tế trong nước do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 cũng như yêu cầu hình thành và duy trì các động lực tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới, việc đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế đã được đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011-2020, Hội nghị trung ương 3 khóa XI (tháng 10 năm 2011) đã quyết định tái cơ cấu kinh tế trong đó tập trung ưu tiên tái cơ cấu ba lĩnh vực quan trọng nhất, đó là: Tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính khác.

In the context of local economic challenges under the impact of 2008 economic crisis as well as the requirement for formulation and maintenance of drivers for sustainable growth in the coming period, the renovation of growth model and economy restructuring are critical in the socio-economic development of the period 2011-2020. The 3rd Plenum of the 11th Party Central Committee (October 2011) decided to restructure the economy with priority in three key areas: investment restructuring with focus on public investment, state-owned-enterprise restructuring with focus on state-owned corporations, financial market restructuring with focus on commercial banks and other financial institutions.

TS. VŨ NHỮ THẮNG
TS. LÊ THỊ THANH HUYỀN

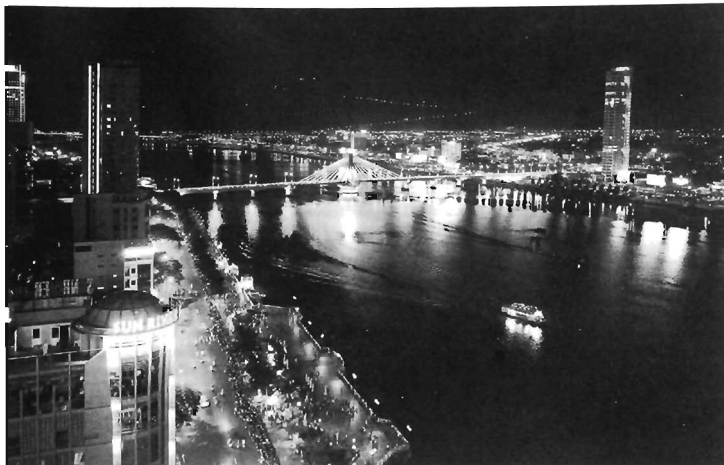
Thực hiện chủ trương trên, Chính phủ đã xây dựng Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 (Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ). Sau một thời gian thực hiện, triển khai tái cơ cấu nền kinh tế mặc dù đã đạt được một số kết quả bước đầu nhưng vẫn còn những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết: Nhận thức về tái cơ cấu nền kinh tế; nguồn lực để tái cơ cấu nền kinh tế; cơ chế phân bổ các nguồn lực trong quá trình tái cơ cấu; hệ thống thể chế nhằm thực hiện các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế và tác động lan tỏa trong sự liên kết giữa ba trụ cột của tái cơ cấu nền kinh tế.

Nhận thức về tái cơ cấu nền kinh tế

Trong bài phát biểu khai mạc kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nhận định: "Nhận thức trên một số vấn đề về chủ trương, quan điểm đã được đề ra vẫn còn khác nhau dẫn đến đổi mới thể chế, chính sách còn ngập ngừng, thiếu nhất quán..." Vì vậy, nhận thức là điều kiện quan trọng để từ đó có những thể chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế của nước ta trong thời gian tới.

Về tổng quát, cơ cấu của nền kinh tế quốc dân là cấu tạo hay cấu trúc của nền kinh tế bao gồm các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế..., mối quan hệ hữu cơ, sự lan tỏa và hỗ trợ giữa chúng. Cơ cấu kinh tế không ngừng vận động, biến đổi (hay còn gọi là chuyển dịch) do sự vận động, biến đổi của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Theo TS. Nguyễn Đình Cung' "tái cơ cấu nền kinh tế được hiểu là quá trình phân bổ lại nguồn lực xã hội theo cơ chế thị trường. Qua đó, nguồn lực xã hội sẽ được phân bổ lại hợp lý hơn, được sử dụng hiệu quả hơn. Sự thay đổi về phân bổ nguồn lực nói trên sẽ từng bước làm thay đổi cách thức tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu và dần nâng cấp trình độ phát triển của nền kinh tế". Đồng quan điểm trên, PGS.TS. Trần Đình Thuần cho rằng "tái cấu trúc kinh tế là phân bổ lại nguồn lực, theo hướng những ngành, những vùng có lợi thế phát triển, những chủ thể sử dụng vốn tối sẽ được dòng vốn "ưu ái" chảy đến nhiều hơn, qua đó, kéo theo nền kinh tế phát triển hiệu quả hơn". Theo cách hiểu này thì việc tái cơ cấu nền kinh tế tập trung vào việc phân bổ nguồn lực và tất nhiên, để làm được điều này thì cần có nhận thức đúng về tái cơ cấu và hệ thống chính sách cho phân bổ nguồn lực và với cách hiểu rộng như vậy, thì



Thành phố Đà Nẵng - thành phố phát triển năng động

Ảnh: TTXVN

tái cơ cấu nền kinh tế có nghĩa gắn với khát niệm cải cách kinh tế hay đổi mới kinh tế.

Với tư cách là môi hệ thống thì tái cơ cấu sẽ thúc đẩy quá trình liên kết giữa các nhân tố và động lực phát triển, từ đó tạo ra được yếu tố có tính chất lan tỏa, tạo đồng lực cho nền kinh tế phát triển theo định hướng đất ra. Hay nói cách khác, tái cơ cấu nền kinh tế không phải là giải pháp mang tính chất tình thế và được thực hiện trong một thời gian nhất định mà nó là một quá trình diễn ra liên tục và thường xuyên của một nền kinh tế. Các giải pháp, mục tiêu đặt ra phụ thuộc vào từng giai đoạn phát triển để từ đó tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý.

Theo cách hiểu trên thì việc tái cơ cấu nền kinh tế của nước ta đã được diễn ra liên tục từ khi đổi mới nền kinh tế. Từ Đại hội VI (năm 1986) của Đảng đề cập: "Vấn đề lớn nhất hiện nay là sắp xếp, bố trí lại cơ cấu và bước đi của nền kinh tế phù hợp với phương hướng, mục tiêu của

những năm trước mắt, phù hợp với khả năng thực tế của nước ta và sự phân công, hợp tác quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, với nhịp độ nhanh". Từ đó nền kinh tế đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và phát triển với tốc độ nhanh, làm thay đổi bộ mặt của đất nước. Sau một thời gian đổi phó tác động đều cục do khủng hoảng tài chính, kinh tế 2008 - 2009 và suy thoái toàn cầu, nền kinh tế nước ta đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết. Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã xác định cần phải đổi mới mô hình tăng trưởng, từ mô hình dựa vào thâm dụng vốn, lao động giá rẻ và tài nguyên sang mô hình dựa vào tăng năng suất lao động và giá trị gia tăng, trong đó tập trung tái cơ cấu ba lĩnh vực then chốt đang có nhiều vướng mắc là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Ba lĩnh vực này là giải pháp trước mắt để tạo cơ sở chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững lâu dài.

Nguồn lực phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế

Một trong những nội dung và nhiệm vụ của quá trình tái cơ cấu kinh tế đó là huy động và phân bổ nguồn lực vào những ngành, lĩnh vực, vùng mà đất nước có lợi thế so sánh, để từ đó tạo ra sức lan tỏa cho các ngành, vùng khác phát triển. Thực tế đánh giá trong thời gian qua cho thấy việc huy động nguồn lực vẫn chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, nguồn lực chủ yếu dựa vào nguồn lực từ khu vực tư nhân nhưng trong khi đó hệ thống chính sách thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào khu vực công có sinh lời chưa đủ mạnh để thu hút nguồn vốn này. Trong nhiều năm, tỷ trọng đầu tư của khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm và thiếu ổn định.³ Điều này thể hiện cụ thể như sau:

Đối với tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: Nguồn lực để tái cơ cấu

doanh nghiệp nhà nước (DNNN) chủ yếu và tập trung việc cổ phần hóa và thoái vốn nhưng việc cổ phần hóa trong thời gian qua diễn ra còn chậm so với yêu cầu, chưa có chuyển biến mang tính đột phá.¹ Các hình thức sắp xếp như giao, bán, chuyển đổi, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp còn gặp khó khăn, chưa phát huy hiệu quả. Tiến độ thoái vốn còn chậm², tổng số tiền thu về còn thấp so với tổng số vốn đã đầu tư, phần lớn các khoản đầu tư ngoài ngành có hiệu quả thấp, một số thua lỗ nên khó thu hồi được các nhà đầu tư, nhất là trong bối cảnh sự phục hồi của thị trường chứng khoán và của nền kinh tế còn chậm.

Đối với tái cơ cấu đầu tư công: Việc tái cơ cấu đầu tư công trong thời gian qua chủ yếu mới tập trung vào việc cắt giảm, giãn, hoãn tiến độ các dự án công. Trong khi đó các năm gần đây, nguồn thu ngân sách hạn hẹp và nhu cầu chi thường xuyên và chi trả nợ tăng nhanh, dẫn đến tỷ trọng chi đầu tư phát triển

lại sâu bảo đảm dẫn đến khó xử lý nhanh và hiệu quả các khoản nợ xấu. Trong khi các bên liên quan thiếu động cơ để đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu thì bản thân VAMC không đủ nguồn lực để thực hiện theo phương thức "mua đứt bán đoạn".³ Trong khi đó, thị trường tín dụng chưa được hình thành một cách đầy đủ, chưa thực hiện được đầy đủ chức năng trung gian tài chính trong việc phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng của nền kinh tế. Đây là một trong những cản trở đối với việc phân bổ lại nguồn lực theo cơ chế thị trường, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Để đảm bảo nguồn lực cho tái cơ cấu ba trong tam trong giai đoạn trước mắt, chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong dài hạn thì cần huy động hợp lý các nguồn lực đầu tư phát triển, mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân, nhất là tư nhân trong nước. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu

tư tiên định hướng đầu tư nguồn lực xã hội sẽ có ý nghĩa quyết định để đạt được mục tiêu đặt ra.

Theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì nguồn lực sẽ được tập trung vào những ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị cao đồng thời khai thác được lợi thế so sánh như trong ngành nông nghiệp chế biến, cao su, lúa gạo, cà da, trầu, i-ôm, hạt tiêu, hạt điều, các loại hải sản khác, các loại rau, quả nhiệt đới...; ngành công nghiệp là chế biến lương thực, thực phẩm, thủy và hải sản, nước giải khát, may mặc, giày da và các sản phẩm da tập trung phát triển một số ngành ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ như hóa dầu, điện tử và công nghiệp công nghệ thông tin, luyện kim, cơ khí chế tạo, công nghiệp xanh và năng lượng tái tạo, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp...; ngành dịch vụ bao gồm dịch vụ thương mại, dịch vụ xây dựng, khách sạn, nhà hàng, du lịch, viễn thông, tài chính - ngân hàng, dịch vụ logistics, giáo dục và đào tạo, chăm sóc y tế, các loại dịch vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời, hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, có năng lực cạnh tranh tầm khu vực và quốc tế. Đây là định hướng và tín hiệu cho thị trường biết những ngành sẽ được ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển sản xuất. Tuy nhiên, trong thời gian qua công cụ thị trường và vai trò của nhà nước trong việc hỗ trợ phân bổ nguồn lực vào những lĩnh vực này đang được hình thành, chưa phát huy được tác dụng như mong muốn đặc biệt là là cơ chế giá cả. Trong khi đó, đầu tư từ NSNN vẫn còn tập trung vào một số ngành, lĩnh vực mà khu vực tư nhân sẵn sàng tham gia đầu tư, ứng dụng đầu tư dân trí, chậm tiến độ... vẫn còn xảy ra, chưa thực sự chú trọng đến việc phân bổ nguồn lực một cách hợp lý giữa các vùng, ngành, lĩnh vực để tạo ra sự lan tỏa, làm động lực cho nền kinh tế.

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ NỀN KINH TẾ, CẢI TẠNG CƯỜNG LIÊN KẾT GIỮA BA TRONG TAM TÀI CƠ CẤU GẮN VỚI THỰC HIỆN BA ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC, NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC TRONG CHUỖ GIÁ TRỊ TOÀN CẦU;

trong tổng chi ngân sách nhà nước năm 2011- 2014 đã giảm mạnh so với trước.⁴ Việc huy động vốn từ trái phiếu Chính phủ để đầu tư công trong thời gian qua có xu hướng tăng nhanh⁵, trong khi đó huy động đầu tư của tư nhân mới chủ yếu tập trung vào lĩnh vực giao thông, năng lượng nhưng cũng rất hạn chế.

Đối với tái cơ cấu ngân hàng: Nguồn lực để tái cơ cấu ngân hàng được đưa chủ yếu bằng nguồn trích dự phòng rủi ro của các tổ chức tín dụng và thông qua hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Hoạt động của VAMC còn gặp một số vướng mắc do những bất cập trong quy định pháp luật về xử lý

tư nhân tham gia phát triển hạ tầng; đồng thời bảo đảm môi trường cạnh tranh và quyền lợi của các nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh các dự án cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, cơ cấu lại tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi NSNN, hàng năm tăng dần uest kiểm từ NSNN cho đầu tư; tăng tỷ trọng đầu tư từ NSNN khoảng 30% tổng chi NSNN.

Cơ chế phân bổ nguồn lực trong tái cơ cấu nền kinh tế

Trong bối cảnh nguồn lực cho tái cơ cấu còn gặp khó khăn thì vấn đề phân bổ nguồn lực phục vụ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế có nghĩa quan trọng, tức là xác định mục tiêu

Kết quả là tỷ trọng ngành nông nghiệp trong thời gian qua không thay đổi nhiều⁴, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm nông nghiệp diễn ra chậm, chưa thực sự phản ánh lợi thế so sánh vùng miền, quốc gia và chưa đáp ứng triển vọng nhu cầu trong tương lai⁵. Sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp còn yếu, cả về chất lượng và giá cả, đặc biệt là chất lượng an toàn về sinh thực phẩm. Nếu xét về các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu (cà phê, cao su, gạo,...) thì tỷ lệ sản phẩm qua chế biến rất thấp, có tính thời vụ phụ thuộc vào thiên nhiên nhiều hơn là ứng dụng khoa học công nghệ và nâng suất lao động. Công nghiệp hỗ trợ cho ngành điện tử - tin học mới tập trung ở những doanh nghiệp có vốn FDI với 90% tổng vốn đầu tư, doanh nghiệp trong nước chiếm 2/3 số cơ sở sản xuất, sử dụng 60% lực lượng lao động song chỉ chiếm chưa đầy 10% số vốn đầu tư. Ngành dệt may, da giày, dù là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng thiếu sự đầu tư thích đáng nên tỷ lệ nội địa hóa đang còn rất thấp. Trên 80% vải, da, vải giả da và các phụ liệu như khóa kim loại, vật liệu dựng, lót... vẫn phải nhập khẩu. Những nguyên nhân liệu trong nước làm ra một số loại vải, khóa kéo do chất lượng ban chế ít được sử dụng vào làm sản phẩm xuất khẩu.⁶ Tỷ trọng dịch vụ trong GDP còn thấp so với các nước⁷, các loại dịch vụ cao cấp, có giá trị tăng thêm lớn chưa phát triển mạnh. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được các thế mạnh đặc thù, chưa đạt hiệu quả cao.

Vấn đề đặt ra là với nguồn lực còn hạn chế thì việc phân bổ nguồn lực cần phải được phân bổ đúng ngành, lĩnh vực và vùng theo tín hiệu thị trường có định hướng của Nhà nước để từ đó tạo ra sức lan tỏa đối với tổng thể nền kinh tế. Trong Đề án có đưa ra hai cấp độ ưu tiên, giai đoạn 2011-2015, đệ nhất, da giày vẫn được ưu tiên; trong 10-20 năm nữa sẽ là các ngành: Điện tử, chế biến lương thực, thực phẩm, luyện kim, đóng tàu, du lịch,

logistic... Tức là, nguồn lực trong thời gian tới cần tập trung vào lĩnh vực sản xuất (phía cung của nền kinh tế), trong đó cần tập trung vào các sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế so sánh.

Hệ thống thể chế nhằm thực hiện các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế

Thế chế chính sách là nền tảng cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, cho đến thời điểm này thì về cơ bản việc ban hành chủ trương, chính sách về tái cơ cấu nền kinh tế đã được quan tâm và triển khai với số lượng văn bản cho từng lĩnh vực. Tuy nhiên, Luật Đầu tư công mới được Quốc hội thông qua tháng 6/2014 và tháng 1/2015 mới có hiệu lực; các dự án luật khác như dự án Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi) đang trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8; Dự án Luật Quy hoạch sẽ được trình xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10; dự án Luật NSNN (sửa đổi) họp tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội. Nhiều luật quan trọng đang trong giai đoạn triển khai thì hành hoặc soạn thảo cũng ảnh hưởng đến việc hình thành cơ sở pháp lý cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế.

Một số quy định còn thiếu sự gắn kết, nên không phát huy được hiệu quả trong thực tiễn như các quy định về tái cơ cấu DNNN mới chỉ tập trung vào cổ phần hóa mà chưa có sự gắn kết giữa nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNN, đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Các giải pháp tái cơ cấu đầu tư công trong mấy năm qua về cơ bản mới để khắc phục những hạn chế trước mắt mà chưa nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhà nước trong tương lai. Trong lĩnh vực tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, còn thiếu quy định pháp luật về hạn chế, kiểm soát hiệu quả vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo⁸, tạo thuận lợi cho việc bán nợ theo giá thị trường và hình thành thị trường mua bán nợ.

Để giải quyết vấn đề này, trong thời gian tới cần tiếp tục tạo khuôn khổ pháp lý mang tính nền tảng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là hướng dẫn kịp thời và chi tiết các Luật đã được Quốc hội thông qua.

Tác động lan tỏa trong sự liên kết giữa các trụ cột của tái cơ cấu nền kinh tế

Trong giai đoạn đầu, tái cơ cấu nền kinh tế tập trung vào ba lĩnh vực: Doanh nghiệp nhà nước, đầu tư công và hệ thống ngân hàng. Trong quá trình triển khai, việc tái cơ cấu nền kinh tế vẫn còn có sự chia tách riêng ba lĩnh vực này, và thiếu vắng những giải pháp nhằm tạo ra sự liên kết, hình thành mối quan hệ tác động lẫn nhau trong tái cơ cấu ở các lĩnh vực trọng tâm và nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2015 thấp hơn mức yêu cầu, trong đó giai đoạn 2011-2014 tăng trưởng bình quân 5,67%, ước thực hiện 5 năm 2011-2015 là 5,78%. Bên cạnh những tác động tích cực của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính thế giới cũng như tổng cầu suy giảm đã gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh,⁹ mô hình tăng trưởng mới vẫn đang trong quá trình định hình nên chưa tạo đủ cho chuyển biến mạnh mẽ, cơ bản, có hiệu quả rõ rệt. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế có xu hướng giảm.¹⁰ Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm.¹¹ Nâng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.¹² Lao động đã qua đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng, chất lượng và đạt thấp so với mục tiêu đến năm 2015 và 2020.¹³

Để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và hiệu quả nền kinh tế, cần tăng cường liên kết giữa ba trọng tâm tái cơ cấu, xác định nhiệm vụ nào trước, nhiệm vụ nào sau gắn với thực hiện ba đột phá chiến lược, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực trong chuỗi giá trị toàn cầu; sự vào cuộc của các ngành có liên quan như khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực. ■

¹TS Nguyễn Đình Cung “Tài cơ cấu kinh tế: Một vài quan sát về kết quả và vấn đề” http://tcv.gov.vn/UserFiles/Files/NguyenDinhCung_TaiCoCau-2013.pdf

²Tỷ trọng đầu tư của khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng đầu tư toàn xã hội: Năm 2011 là 61,1%; Năm 2012: 62,2%; Năm 2013: 59,6%

³Trong 3 năm 2011-2013, cả nước cũ phần hóa 99 doanh nghiệp với số cổ phần chào bán giá trị gần 19 nghìn tỷ đồng. Trong 10 tháng đầu năm 2014, tiếp tục có phần hóa 75 doanh nghiệp. Theo kế hoạch trong năm 2014-2015 phải có phần hóa được: 432 doanh nghiệp, như vậy tính đến tháng 10 năm 2014 mới có phần hóa được: 17,4% (75/432) doanh nghiệp.

⁴Năm 2013 thực hiện thoái vốn 5 lĩnh vực chính (khu vực khoán, ngân hàng, bất động sản, bảo hiểm, các quỹ đầu tư) được 965 tỷ đồng, trong 10 tháng đầu năm 2014 ước đạt 2 415 tỷ đồng, so với kế hoạch thoái vốn 2 năm 2014-2015, kết quả này mới đạt 10,73% (2 415 tỷ đồng/22 504,6 tỷ đồng). Như vậy, từ nay đến hết năm 2015, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước còn phải thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành đối với 5 lĩnh vực là 20 089,6 tỷ đồng.

⁵Trong giai đoạn 2011-2013, tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi NSNN bình quân là 19,57%/năm (tính cả dự kiến năm 2014 là 18,73%) trong khi giai đoạn 2006-2010 là 28%.

⁶Trong giai đoạn 2011-2014, Chính phủ đã bố trí kế hoạch vốn tài chính Chính phủ cho các bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện là khoảng 250 nghìn tỷ đồng (năm 2011: 45 nghìn tỷ đồng, năm 2012: 45 nghìn tỷ đồng, năm 2013: 60 nghìn tỷ đồng và năm 2014 khoảng 100 nghìn tỷ đồng).

⁷Báo cáo số 760/BC-UBTVQH13 ngày 27/10/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

⁸Đóng góp của ngành nông nghiệp trong năm 2013 là 18,38% trong khi đó năm 2010 là 18,89% (Nguồn: Niên giám thống kê 2013)

⁹Trùng trùng vấn chiếm 50% cơ cấu nội ngành nông nghiệp, trong đó gia gạo vẫn chiếm tỷ trọng chính mặc dù hiệu quả kinh tế của cây lúa không cao. Ngành thủy sản và ngành chăn nuôi phát triển nhanh, song thiếu bền vững. Năng suất vật nuôi còn thấp, giá thành chăn nuôi cao, thức ăn chăn nuôi phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu, mô hình chăn nuôi công nghiệp chưa phát triển, khả năng kiểm soát dịch bệnh còn yếu.

¹⁰Báo cáo số 760/BC-UBTVQH13 ngày 27/10/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

¹¹Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam năm 2013 là 43,3%, Thái Lan là 45,5%; Malaysia là 50,1%; Hàn Quốc là 59,1% Nguồn: <http://data.worldbank.org/indicator/NV.SRV.TETC.ZS?locations=VI> (display=graph)

¹²Luật các tổ chức tín dụng quy định tổ chức tín dụng theo các hình thức khác để trở thành cổ đông (như ủy thác mua, nhân chuyển nhượng, cấp tín dụng...) nhưng trên thực tế, nhiều đối tượng dùng các thủ đoạn lách quy định giới hạn sốหุ้น, hạn chế cho vay, đầu tư bằng cách nhờ người khác đứng tên hộ hoặc thông qua các công ty sản xuất hoặc thương mại, liên kết với các đối tượng khác.

¹³Số doanh nghiệp giải thể, đóng hoạt động là 54 000 DN (năm 2011); 54 300 DN (năm 2012); 60 000 DN (năm 2013); 54.333 DN (10 tháng năm 2014)

¹⁴Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam xếp thứ tư 70/148

quốc gia (năm 2013/2014), 75/144 (năm 2012/2013), 59/144 (năm 2010/2011) và 65/144 (năm 2011/2012).

¹⁵Theo báo cáo về kinh tế - xã hội của Chính phủ, tỷ trọng lao động trên địa bàn nông thôn là 49,5% năm 2010; 48,4% năm 2011; 47,3% năm 2012; 47% năm 2013; trong khi mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp không phải 30-35% lao động xã hội.

¹⁶Theo số liệu của ILO, năng suất lao động của Việt Nam năm 2013 thuộc nhóm thấp nhất Châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Singapore, Nhật và Hàn Quốc lần lượt là 15 lần, 11 lần và 10 lần.

¹⁷Tỷ lệ lao động trong nền kinh tế đã qua đào tạo năm 2011 là 15,4%, năm 2012 là 16,6%, năm 2013 là 18% (lao động đã qua đào tạo là những người đã học và tốt nghiệp ở một trường lớp đào tạo chuyên môn kỹ thuật của cấp học hoặc trình độ đào tạo tương đương hoặc hệ thống giáo dục quốc dân từ 3 tháng trở lên có văn bản hoặc chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo)

Tài liệu tham khảo

Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại biểu toàn quốc lần thứ XVI của Đảng. Văn Kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X, NXB Chính trị quốc gia (2010)

Báo cáo số 760/BC-UBTVQH13 ngày 27/10/2014 về kết quả giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015”

Bùi Trinh “Tái cơ cấu kinh tế” phải chăng vẫn là một vòng luẩn quẩn

TS. Nguyễn Đình Cung “Tái cơ cấu kinh tế: Một vài quan sát về kết quả và vấn đề”

Tài liệu tọa đàm “tái cơ cấu đầu tư trong tâm là đầu tư công” của Ban kinh tế trung ương, tháng 6/2014

Ths. Dương Ngọc Quang “Tái cơ cấu nền kinh tế: Từ lý luận tới thực tiễn tại Việt Nam” <http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/Tai-co-cau-nen-kinh-te-Tu-ly-luan-toi-thuc-tien-tai-Viet-Nam/41296.ttc>

Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác - Lê Nin, Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia (2005)

Niên giám thống kê 2013, Tổng cục thống kê.

<http://www.gso.gov.vn>

Reference

Politics Report by the Central Committee of the Communist Party of Vietnam at the 6th National Congress of Delegates. Platform of National Congress in renovation era (the 6th, 7th, 8th, 9th and 10th Congress), National Political Publishing House (2010).

Report no 760/BC-UBTVQH13 dated 27/10/2014 on supervision of “Restructuring of the economy in public investments, SOEs and banking as per Resolution no. 10/2011/QH13 by the National Assembly on Socio-economic development plan for 2011-2015”

Bùi Trinh, “Economy restructuring” – a vicious circle?

PhD, Nguyễn Đình Cung “Economy restructuring: Observations of results and issues”

Materials at the seminar “investment restructuring with focus on public investments” organized by Central Economic Committee, June 2014

Dương Ngọc Quang, MBA, “Economy restructuring: from theory to practice in Vietnam” <http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/Tai-co-cau-nen-kinh-te-Tu-ly-luan-toi-thuc-tien-tai-Viet-Nam/41296.ttc>

Karl Marx – Lenin Political Economy Textbook, Ministry of Education, National Political Publishing House (2005)

2013 Statistical Yearbook of Vietnam, General Statistics Office of Vietnam <http://www.gso.gov.vn>